PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2163/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 795/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2020";

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" gồm Thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình và Quảng Ninh với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quan điểm phát triển

Thực hiện theo các quan điểm chung của Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và bổ sung các

quan điểm phát triển cụ thể đối với vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc (sau đây gọi tắt là Vùng) như sau:

a) Phát triển du lịch Vùng theo hướng tăng cường liên kết, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh về du lịch của các địa phương và của Vùng;

b) Phát triển đồng thời du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch biển trong đó du lịch văn hóa gắn với các giá trị văn minh sông Hồng là nền tảng để phát triển các loại hình du lịch khác;

c) Kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong phát triển sản phẩm du lịch của Vùng nhằm khai thác có hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống gắn với văn minh sông Hồng;

d) Phát triển du lịch Vùng tương xứng với vai trò là trọng tâm phát triển du lịch cả nước, đầu mối phân phối khách cho các vùng khác trong cả nước.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu chung

Đến năm 2020, cơ bản hình thành được sự liên kết giữa các địa phương phát triển du lịch Vùng một cách toàn diện, đồng bộ; xây dựng được sản phẩm du lịch đặc trưng của Vùng nhằm hình thành thương hiệu du lịch riêng của vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc;

Phấn đấu đến năm 2030, vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc trở thành địa bàn thu hút và phân phối khách du lịch hàng đầu của cả nước.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về tổ chức lãnh thổ: Phát triển du lịch theo 3 tiểu vùng với những sản phẩm đặc trưng theo từng tiểu vùng, 9 khu du lịch quốc gia, 8 diểm du lịch quốc gia, 2 đô thị du lịch và một số khu, điểm du lịch địa phương làm hạt nhân liên kết phát triển du lịch toàn Vùng.

- Về các chỉ tiêu phát triển ngành

+ Khách du lịch

. Năm 2015 thu hút 5,37 triệu lượt khách du lịch quốc tế, phục vụ 21,5 triệu lượt khách nội địa; tăng trưởng khách quốc tế 7%/năm và nội địa 5%/năm;

. Năm 2020 thu hút 7,12 triệu lượt khách du lịch quốc tế, phục vụ 26,4 triệu lượt khách nội địa; tăng trưởng khách quốc tế 5,8%/năm và nội địa 4,2%/năm;

. Năm 2025 thu hút 8,91 triệu lượt khách du lịch quốc tế, phục vụ 30,9 triệu lượt khách nội địa; tăng trưởng khách quốc tế 4,6%/năm và nội địa 3,2%/năm;

. Năm 2030 thu hút 10,59 triệu lượt khách du lịch quốc tế, phục vụ 36 triệu lượt khách nội địa; tăng trưởng khách quốc tế 3,2%/năm và nội địa 3,1%/năm.

+ Tổng thu từ khách du lịch: Năm 2015 đạt 69.300 tỷ đồng, tương đương 3,83 tỷ USD; năm 2020 đạt 120.950 tỷ đồng, tương đương 5,9 tỷ USD; năm 2025 đạt 169.330 tỷ đồng, tương đương 8,26 tỷ USD; năm 2030 đạt 217.300 tỷ đồng, tương đương 10,6 tỷ USD.

+ Đóng góp của du lịch trong GDP: Đạt 48.600 tỷ đồng, tương đương 2,37 tỷ USD vào năm 2015; đạt 84.700 tỷ đồng, tương đương 4,13 tỷ USD vào năm 2020; đạt 118.500 tỷ đồng, tương đương 5,78 tỷ USD vào năm 2025 và đạt 152.100 tỷ đồng, tương đương 7,42 tỷ USD vào năm 2030.

+ Cơ sở lưu trú du lịch: Năm 2015 có 101.000 buồng khách sạn, tỷ lệ buồng 3 - 5 sao đạt 10%; năm 2020 có 158.000 buồng khách sạn, tỷ lệ buồng 3 - 5 sao đạt 15%; năm 2025 có 201.000 buồng khách sạn, tỷ lệ buồng 3 - 5 sao đạt 20%; năm 2030 có 233.000 buồng khách sạn, tỷ lệ buồng 3 - 5 sao đạt 30%.

+ Chỉ tiêu việc làm: Năm 2015 tạo việc làm cho 611.000 lao động (trong đó 178.000 lao động trực tiếp); năm 2020 là 840.000 lao động (trong đó 250.000 lao động trực tiếp); năm 2025 là 998.000 lao động (trong đó 298.000 lao động trực tiếp); năm 2030 là 1.330.000 lao động (trong đó 392.000 lao động trực tiếp).

3. Các định hướng phát triển chủ yếu

a) Phát triển thị trường khách du lịch

Đẩy mạnh phát triển đồng thời cả du lịch nội địa và du lịch quốc tế.

- Khách du lịch nội địa:

+ Phát triển mạnh thị trường du lịch nội vùng và các vùng phụ cận, chú trọng khách với mục đích nghỉ dưỡng, giải trí, nghỉ cuối tuần, lễ hội, tâm linh, mua sắm;

+ Khuyến khích phát triển, mở rộng thị trường du lịch chuyên biệt và du lịch kết hợp công vụ.

- Khách du lịch quốc tế:

+ Thu hút, phát triển mạnh thị trường gần như: Đông Bắc Á (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan) và ASEAN;

+ Duy trì khai thác thị trường truyền thống cao cấp như: Tây Âu, Bắc Âu, Bắc Mỹ và Đông Âu;

+ Mở rộng thị trường mới: Trung Đông, Ấn Độ.

b) Phát triển sản phẩm du lịch

- Ưu tiên phát triển các nhóm sản phẩm chính:

+ Nhóm sản phẩm du lịch gắn với các giá trị của nền văn minh sông Hồng;

+ Nhóm sản phẩm du lịch gắn với tự nhiên gồm: Du lịch biển, đảo; du lịch sinh thái trong đó du lịch biển, đảo được ưu tiên để phát triển sản phẩm đủ sức cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới;

+ Phát triển các sản phẩm du lịch khác gắn với đô thị như: MICE, tham quan, mua sắm;

+ Phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng theo các tiểu vùng và tăng cường liên kết vùng để tạo thành các sản phẩm du lịch có tính hấp dẫn cao.

- Đa dạng hóa sản phẩm du lịch nhằm phục vụ những nhu cầu đa dạng của các đối tượng khách như: Du lịch giáo dục, du lịch thể thao, du lịch dưỡng bệnh, du lịch du thuyền, du lịch làm đẹp...

c) Phát triển du lịch theo lãnh thổ

- Tổ chức không gian du lịch:

+ Tiểu vùng Trung tâm: Gồm Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam.

Hướng khai thác sản phẩm du lịch đặc trưng:

. Tham quan, nghiên cứu di sản văn hóa, phố cổ, làng nghề, làng Việt cổ, ẩm thực… gắn với các giá trị văn minh sông Hồng;

. Lễ hội, tâm linh;

. Sinh thái nông nghiệp, nông thôn;

. Nghỉ dưỡng núi, vui chơi giải trí, thể thao, nghỉ cuối tuần...

. Du lịch MICE (Hội họp, khuyến thưởng, hội nghị, triển lãm).

+ Tiểu vùng Duyên hải Đông Bắc: Gồm thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh.

Hướng khai thác sản phẩm du lịch đặc trưng:

. Tham quan, nghiên cứu các giá trị di sản, cảnh quan Hạ Long, Cát Bà, Bái Tử Long…;

. Nghỉ dưỡng tắm biển, nghỉ cuối tuần;

. Thể thao khám phá, vui chơi giải trí gắn với biển, đảo;

. Tham quan di tích lịch sử - văn hóa, làng chài, khu nuôi trồng thủy sản…;

. Du lịch MICE (Hội họp, khuyến thưởng, hội nghị, triển lãm).

+ Tiểu vùng Nam sông Hồng: Gồm các tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình.

Hướng khai thác sản phẩm du lịch đặc trưng:

. Tham quan cảnh quan, hang động, các giá trị sinh thái…;

. Tham quan di tích, lễ hội, tâm linh;

- Khu, điểm, đô thị du lịch:

+ Khu du lịch quốc gia:

. Khu du lịch Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam (Hà Nội): Du lịch tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu bản sắc văn hóa các dân tộc ở Việt Nam, vui chơi giải trí, sự kiện…;

. Khu du lịch Ba Vì - Suối Hai (Hà Nội): Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cuối tuần;

. Khu du lịch Tam Đảo (Vĩnh Phúc): Du lịch nghỉ dưỡng núi, nghỉ cuối tuần, sinh thái, hội nghị, hội thảo;

. Khu du lịch Tam Chúc (Hà Nam): Du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái hồ và văn hóa;

. Khu du lịch Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương): Du lịch tham quan di tích lịch sử - văn hóa, nghỉ dưỡng, sinh thái;

. Khu du lịch Hạ Long - Cát Bà (Quảng Ninh, Hải Phòng): Du lịch nghỉ dưỡng, tham quan thắng cảnh, thể thao, khám phá biển, đảo…;

. Khu du lịch Vân Đồn (Quảng Ninh): du lịch sinh thái, du lịch vui chơi giải trí cao cấp, du lịch văn hóa - di tích lịch sử, tham quan thắng cảnh, thể thao khám phá biển đảo;

. Khu du lịch Trà Cổ (Quảng Ninh): Du lịch nghỉ dưỡng, tham quan thắng cảnh, khám phá biển, đảo kết hợp tham quan, thương mại cửa khẩu biên giới;

. Khu du lịch Tràng An (Ninh Bình): Du lịch tham quan cảnh quan, tìm hiểu văn hóa, lịch sử kết hợp lễ hội tâm linh, sinh thái.

+ Điểm du lịch quốc gia:

. Điểm du lịch Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội) gắn với quần thể các di tích nội thành Hà Nội như Văn Miếu, di tích Cổ Loa, Hồ Hoàn Kiếm, Đền Quán Thánh, Đền Hai Bà Trưng, Đền Ngọc Sơn, Chùa Một Cột, Chùa Trấn Quốc, Chùa Bộc, Viện bảo tàng lịch sử, Viện bảo tàng Cách mạng, Viện bảo tàng Mỹ thuật, Bảo tàng Quân đội, Viện bảo tàng Hồ Chí Minh, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, phố cổ Hà Nội: Tham quan, nghiên cứu di sản văn hóa, di tích, phố cổ kết hợp ẩm thực;

. Điểm du lịch Thành phố Bắc Ninh và phụ cận (tỉnh Bắc Ninh): Tham quan di tích gắn với dân ca Quan họ;

. Điểm du lịch Chùa Hương (Hà Nội): Tham quan di tích, thắng cảnh kết hợp lễ hội, tâm linh;

. Điểm du lịch Phố Hiến (Hưng Yên): Tham quan di tích lịch sử - văn hóa gắn với du lịch đường sông;

. Điểm du lịch Yên Tử (Quảng Ninh): Lễ hội, tâm linh kết hợp du lịch sinh thái;

. Điểm du lịch Cúc Phương (Ninh Bình): Du lịch sinh thái vườn quốc gia;

. Điểm du lịch Vân Long (Ninh Bình): Du lịch sinh thái đất ngập nước;

. Điểm du lịch Đền Trần - Phủ Giầy (Nam Định), Đền Trần - Chùa Keo (Thái Bình): Du lịch văn hóa, tâm linh.

+ Đô thị du lịch:

. Đô thị du lịch Hạ Long (Quảng Ninh): Du lịch biển, đảo;

. Đô thị du lịch Đồ Sơn (Hải Phòng): Du lịch biển, đảo.

- Tuyến du lịch quốc gia:

+ Tuyến du lịch chính:

. Hà Nội - Hải Dương - Hải Phòng - Quảng Ninh;

. Hà Nội - Bắc Ninh - Hải Dương - Hải Phòng - Quảng Ninh;

. Hà Nội - Hà Nam - Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình;

. Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh;

. Hà Nội - Bắc Ninh - Hưng Yên - Hà Nam - Ninh Bình.

+ Tuyến du lịch chuyên đề:

. Lễ hội, tâm linh: Chùa Hương - Tam Chúc - Bái Đính - Đền Trần, Phủ Giầy (Nam Định) - Đền Trần, Chùa Keo (Thái Bình) - Yên Tử;

. Tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử - văn hóa theo các triều đại của lịch sử Việt Nam: Đinh, Lý, Trần, Lê…;

. Tham quan các làng nghề, làng Việt cổ: Đường Lâm - Bát Tràng - Đông Hồ - Mạn Xuyên - Hoa Lư - La Xuyên…;

. Du khảo đồng quê các tỉnh vùng châu thổ sông Hồng;

. Tham quan phố cổ: Hà Nội - Hải Phòng - Nam Định;

. Tuyến khám phá biển, đảo ở các tỉnh ven biển;

. Khám phá, nghiên cứu hệ thống vườn quốc gia, khu bảo tồn tự nhiên, khu dự trữ sinh quyển;

. Tham quan hang động: Khu vực Tràng An và vịnh Hạ Long;

. Du lịch đường sông: Tuyến sông Hồng; tuyến sông Thái Bình.

- Nhu cầu sử dụng đất phát triển các khu, điểm du lịch quốc gia:

+ 9 khu du lịch quốc gia khoảng 23.000 ha;

+ 8 điểm du lịch quốc gia khoảng 5.300 ha.

d) Đầu tư phát triển du lịch

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 605.000 tỷ đồng (tương đương 29,5 tỷ USD), bao gồm vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (gồm cả vốn ODA), vốn FDI, vốn huy động từ sự đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác. Trong đó phần vốn huy động từ

các thành phần kinh tế là chủ yếu, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch và được bố trí căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm và theo tiến độ từng giai đoạn.

- Các chương trình và dự án đầu tư: Ưu tiên đầu tư phát triển 9 khu du lịch quốc gia, 8 điểm du lịch quốc gia, 2 đô thị du lịch. Đầu tư 4 chương trình: (1) Đào tạo phát triển nguồn nhân lực; (2) Xúc tiến quảng bá và xây dựng thương hiệu du lịch Vùng; (3) Bảo tồn, tôn tạo và phát triển tài nguyên; (4) Phát triển hạ tầng du lịch then chốt.

4. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

a) Giải pháp đầu tư

- Tăng cường đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển du lịch, cụ thể:

+ Xác định cơ cấu vốn đầu tư hợp lý cho từng khu vực để bảo đảm nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước;

+ Tập trung vốn để phát triển cơ sở hạ tầng các khu du lịch, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia gắn với phát triển du lịch;

+ Tăng cường huy động nguồn vốn ODA thông qua vay ưu đãi nước ngoài hoặc phát hành trái phiếu Chính phủ cho các công trình đầu tư lớn như: Sân bay, đường cao tốc, cảng tàu du lịch; tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế để thu hút tài trợ không hoàn lại cho các chương trình phát triển dài hạn.

- Huy động tối đa các nguồn vốn, phát huy triệt để nguồn lực tài chính trong nhân dân, tiềm lực tài chính của các tổ chức trong và ngoài nước để bảo đảm đủ nguồn vốn khác cho phát triển du lịch.

b) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển đội ngũ nhân lực du lịch đủ về số lượng theo dự báo, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, bảo đảm về chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch cao và bền vững của vùng.

- Cụ thể hóa Chiến lược phát triển nguồn nhân lực ngành Du lịch trên địa bàn vùng bằng các kế hoạch, chương trình phát triển nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển du lịch từng địa phương.

- Tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên, đào tạo viên, thẩm định viên nghề du lịch; chú trọng đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo; tăng cường công tác đào tạo tại chỗ đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của từng địa phương và phù hợp với hội nhập quốc tế.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch để nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư về Du lịch và ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch.

c) Giải pháp xúc tiến, quảng bá

- Tăng cường nguồn lực cho hoạt động xúc tiến quảng bá: Tăng cường vốn ngân sách cho xúc tiến, quảng bá du lịch, xây dựng hình ảnh và thương hiệu du lịch vùng; thực hiện xã hội hóa để huy động mọi nguồn lực cho công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.

- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch: Tập trung xúc tiến, quảng bá theo chiến dịch trọng điểm; xây dựng cơ chế hợp tác trong và ngoài ngành, đẩy mạnh xã hội hóa xúc tiến, quảng bá du lịch; sử dụng hiệu quả các phương tiện truyền thông, huy động sự hợp tác của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

- Định kỳ tổ chức đánh giá tiềm năng, thực trạng phát triển du lịch Vùng để cập nhật đầy đủ, chính xác các thông tin phục vụ công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.

d) Giải pháp phát triển thị trường và sản phẩm du lịch

- Xây dựng chiến lược về thị trường khách để phát triển du lịch một cách ổn định và mang tính bền vững.

- Thường xuyên nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để nắm bắt đặc điểm, thị hiếu từng thị trường từ đó có kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch phù hợp.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển thị trường trong đó ưu tiên phát triển thị trường gần, duy trì thị trường truyền thống và hướng tới thị trường mở rộng.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch gắn với việc phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng của Vùng, có tính cạnh tranh cao tiến tới xây dựng thương hiệu sản phẩm du lịch Vùng.

- Đa dạng hóa sản phẩm du lịch theo từng tiểu vùng và địa phương, sản phẩm du lịch chuyên đề để tăng thời gian lưu trú của khách du lịch.

- Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch bổ trợ để tăng cường thu hút khách du lịch, tăng nguồn thu và kéo dài thời gian du lịch.

- Huy động mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng sản phẩm du lịch để góp phần phát huy hiệu quả của công tác xã hội hóa phát triển du lịch.

đ) Giải pháp tổ chức quản lý quy hoạch

- Tăng cường phối hợp, liên kết công tác quản lý nhà nước về du lịch giữa Trung ương và các địa phương trong vùng:

+ Tiếp tục phát huy vai trò của Ban chỉ đạo Nhà nước về du lịch ở các cấp, đặc biệt ở Trung ương trong việc phối hợp liên ngành, liên tỉnh;

+ Phối hợp, liên kết trong công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý tài nguyên, phát triển nhân lực du lịch.

- Thực hiện phân cấp quản lý triệt để và thống nhất: Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương quản lý theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm ngành; các địa phương trong vùng trực tiếp quản lý tài nguyên và phát triển du lịch theo quy hoạch ngành, phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành.

e) Giải pháp ứng dụng khoa học và công nghệ

- Tăng cường liên kết ứng dụng khoa học và công nghệ giữa các địa phương trong Vùng.

- Tích cực ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển du lịch.

g) Giải pháp liên kết phát triển du lịch

- Tăng cường khả năng và tạo môi trường liên kết thuận lợi, bình đẳng giữa các địa phương trong Vùng.

- Thực hiện liên kết chặt chẽ trong Vùng về đầu tư phát triển du lịch, xây dựng các chương trình du lịch chung của Vùng, liên kết trong quảng bá xúc tiến du lịch Vùng và liên kết trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

- Xây dựng mô hình liên kết trong đó xác định vai trò và nhiệm vụ từng chủ thể liên kết đối với cơ quan quản lý du lịch ở Trung ương, chính quyền các địa phương và doanh nghiệp, Hiệp hội du lịch.

h) Giải pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch

- Giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa của tài nguyên và môi trường đối với hoạt động du lịch.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để kiểm soát các vấn đề về môi trường, quản lý và phát triển tài nguyên du lịch.

- Khuyến khích các hoạt động du lịch thân thiện với môi trường; khuyến khích và hỗ trợ cộng đồng tham gia đầu tư phát triển du lịch, chia sẻ lợi ích và trách nhiệm trong việc khai thác tài nguyên phục vụ phát triển du lịch.

- Tăng cường công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và hiện tượng nước biển dâng trong hoạt động du lịch.

i) Giải pháp bảo đảm an ninh, quốc phòng

- Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc; giữa ngành Du lịch với các ngành liên quan, đặc biệt với Công an, bộ đội Biên phòng để bảo đảm an toàn cho khách du lịch, góp phần giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển du lịch để góp phần giữ vững chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Ban Chỉ đạo nhà nước về Du lịch

Chỉ đạo hoạt động của các Bộ, ngành, ở Trung ương và các địa phương trong Vùng trong việc giải quyết những vấn đề mang tính liên ngành, liên tỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện Quy hoạch.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Là cơ quan chủ trì triển khai thực hiện quy hoạch có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức công bố và triển khai thực hiện Quy hoạch;

b) Chủ trì xây dựng và thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển du lịch các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia trên địa bàn Vùng;

c) Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng thực hiện các nhiệm vụ liên quan trong mọi hoạt động du lịch;

d) Chủ trì các hoạt động liên kết phát triển du lịch giữa các doanh nghiệp, Hiệp hội du lịch, các địa phương trong Vùng;

đ) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động phát triển du lịch cho các giai đoạn 5 năm phù hợp định hướng Quy hoạch;

e) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, quy hoạch, chương trình, đề án, dự án chuyên ngành văn hóa, thể thao phù hợp với định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Vùng;

g) Hướng dẫn các địa phương trong Vùng xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh, quy hoạch các khu, điểm du lịch địa phương;

h) Tiến hành sơ kết hàng năm, đề xuất các chính sách và giải pháp thực hiện điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp thực tế; báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ

Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hành động của ngành với việc thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch; phối hợp có hiệu quả với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc giải quyết những vấn đề liên ngành, nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chức năng nhiệm vụ liên quan tới việc xác định nhiệm vụ đầu tư Nhà nước cho du lịch, cơ chế chính sách đầu tư du lịch, tín dụng ưu đãi và tạo các cân đối về vốn và nguồn lực khác, huy động các nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho phát triển du lịch;

b) Bộ Tài chính thực hiện chức năng nhiệm vụ liên quan về cơ chế, chính sách về tài chính, thuế, hải quan; bảo đảm tỷ lệ ngân sách nhà nước chi cho triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Vùng;

c) Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng thực hiện nhiệm vụ chức năng liên quan tới phát triển kết cấu hạ tầng, phương tiện giao thông, đặc biệt là hàng không, đường biển, trật tự an toàn giao thông; lồng ghép nội dung phát triển hạ tầng giao thông phục vụ phát triển du lịch vào quy hoạch ngành giao thông; triển khai, rà soát, bổ sung quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phù hợp với các mục tiêu phát triển du lịch trên địa bàn Vùng được xác định trong quy hoạch này;

d) Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ liên quan đến việc phát triển kết cấu hạ tầng, sản xuất và tiêu thụ hàng hóa phục vụ phát triển du lịch; triển khai hiệu quả việc sản xuất, phân phối và bán các sản phẩm nội địa phục vụ mục đích phát triển du lịch mua sắm; bảo tồn và phát triển bền vững của các làng nghề, làng Việt cổ; ứng dụng thành tựu công nghệ mới trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp;

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế thực hiện các chức năng nhiệm vụ liên quan tới quy hoạch quỹ đất cho hoạt động du lịch; bảo vệ môi trường du lịch, ứng phó với biến đổi khí hậu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về du lịch và liên quan tới du lịch, vệ sinh an toàn thực phẩm;

e) Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng nhiệm vụ liên quan tới thủ tục xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại, an ninh, an toàn và đẩy mạnh xúc tiến quảng bá du lịch ở nước ngoài. Phối hợp với ngành du lịch trong việc khai thác tài nguyên phát triển du lịch gắn với giữ vững quốc phòng, an ninh đặc biệt là khu vực biên giới, hải đảo;

g) Bộ Nội vụ thực hiện những nội dung liên quan đến hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về du lịch; tăng cường năng lực cơ quan xúc tiến quốc gia, cơ chế hợp tác giữa khu vực công và khu vực tư nhân;

h) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng nhiệm vụ liên quan tới phát triển nguồn nhân lực du lịch, tăng cường năng lực cơ sở đào tạo du lịch; chế độ làm việc, nghỉ ngơi của người lao động.

i) Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ chức năng liên quan đến quản lý nhà nước về thông tin, tuyên truyền du lịch; quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động du lịch.

k) Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền du lịch xúc tiến quảng bá tiềm năng và cơ hội phát triển du lịch Vùng cũng như nâng cao nhận thức về du lịch.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng

Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chủ động triển khai và mở rộng liên kết với các địa phương trên địa bàn vùng trong công tác xúc tiến, quảng bá để thu hút khách du lịch và kêu gọi đầu tư du lịch;

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn xây dựng sản phẩm đặc trưng của vùng đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp liên kết hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong Vùng;

- Căn cứ nội dung quy hoạch tiến hành xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, các quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư trên địa bàn phù hợp với quy hoạch tổng thể du lịch Vùng và gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Chỉ đạo, quản lý việc bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch đặc biệt đối với những khu vực được định hướng phát triển thành khu, điểm du lịch quốc gia;

- Chú trọng công tác trật tự an toàn giao thông nhằm cải thiện an toàn cho du khách, nâng cao hình ảnh du lịch Vùng và địa phương;

- Giáo dục quần chúng nhân dân gìn giữ và phát huy giá trị tài nguyên du lịch hướng tới mục tiêu phát triển bền vững;

- Thực hiện xã hội hóa phát triển du lịch để phát huy sức mạnh các thành phần kinh tế cho phát triển du lịch;

- Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu của quy hoạch, cần thiết lập kênh trao đổi thông tin thường xuyên giữa các cấp quản lý trong lãnh thổ để có được những phương án chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp du lịch, các nhà đầu tư thực hiện sát những tư tưởng phát triển chung của toàn vùng;

- Tổ chức công tác thanh, kiểm tra hoạt động đầu tư, khai thác phát triển du lịch.

5. Doanh nghiệp, Hiệp hội du lịch và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội khác

- Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc, các doanh nghiệp chủ động bố trí nguồn kinh phí thực hiện quy hoạch cụ thể các khu, điểm du lịch và đầu tư xây dựng dự án phát triển du lịch.

- Hiệp hội du lịch và các tổ chức xã hội khác theo phạm vi chức năng hoạt động nắm bắt mục tiêu, quan điểm và định hướng trong Quy hoạch để cụ thể hóa thành chương trình hành động của mình.

- Các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với ngành du lịch và chính quyền các địa phương trên địa bàn vùng trong việc quảng bá hình ảnh du lịch

Vùng; vận động, tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân nâng cao nhận thức về du lịch, về quy hoạch du lịch và ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch.

- Cộng đồng dân cư tích cực tham gia vào các hoạt động du lịch, cung ứng dịch vụ du lịch cộng đồng và các hoạt động bảo tồn, khai thác bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường du lịch theo các quy hoạch phát triển du lịch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình và Quảng Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC ĐỊA ĐIỂM TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN KHU DU LỊCH QUỐC GIA, ĐIỂM DU LỊCH QUỐC GIA, ĐÔ THỊ DU LỊCH THUỘC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ DUYÊN HẢI ĐÔNG BẮC ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2163/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên	Vị trí (thuộc tỉnh)	Hướng khai thác	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Kết hợp khai thác
I	**KHU DU LỊCH QUỐC GIA (9 KHU DU LỊCH QUỐC GIA)**				
1	Khu du lịch Hạ Long - Cát bà	Quảng Ninh Hải Phòng	- Du lịch biển, đảo - Du lịch tham quan cảnh quan - Công viên biển, công viên địa chất - Sinh thái VQG	5.000	Gắn với các đô thị du lịch Hạ Long, Đồ Sơn
2	Khu du lịch Vân Đồn	Quảng Ninh	- Du lịch biển, đảo - Sinh thái	3.000	Gắn với VQG Bái Tử Long, khu kinh tế Vân Đồn
3	Khu du lịch Trà Cổ	Quảng Ninh	- Du lịch biển - Thương mại cửa khẩu	2.500	Gắn với cửa khẩu Móng Cái
4	Khu du lịch Côn Sơn - Kiếp Bạc	Hải Dương	- Tham quan di tích lịch sử văn hóa - Nghỉ dưỡng - Sinh thái	1.000	Gắn với di tích chiến thắng Bạch Đằng
5	Khu du lịch Ba Vì - Suối Hai	Hà Nội	- Sinh thái núi, hồ - Nghỉ dưỡng núi - Văn hóa lễ hội, dân tộc thiểu số - Vui chơi giải trí, thư giãn cuối tuần	3.000	Gắn với sân golf, hồ Đồng Mô
6	Khu du lịch Làng văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam	Hà Nội	- Văn hóa	1.500	Gắn với hệ thống di tích nội thành Hà Nội

TT	Tên	Vị trí (thuộc tỉnh)	Hướng khai thác	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Kết hợp khai thác
7	Khu du lịch Tam Đảo	Vĩnh Phúc	- Nghỉ dưỡng núi - Sinh thái - Hội nghị hội thảo	1.000	Gắn với Thiền viện Trúc lâm, sân golf
8	Khu du lịch Tràng An	Ninh Bình	- Tham quan văn hóa lịch sử, cảnh quan - Lễ hội tâm linh	2.000	Gắn với Bái Đính, Tam Cốc - Bích Động, Hoa Lư và KBT đất ngập nước Vân Long
9	Khu du lịch Tam Chúc	Hà Nam	- Sinh thái - Tâm linh	4.000	Gắn với điểm du lịch chùa Bà Đanh, Ngũ Động Thi Sơn
II	**ĐIỂM DU LỊCH QUỐC GIA (8 ĐIỂM DU LỊCH QUỐC GIA)**				
1	Điểm du lịch Hoàng Thành Thăng Long	Hà Nội	- Văn hóa	500	Gắn với hệ thống di tích lịch sử văn hóa nội thành Hà Nội
2	Điểm du lịch chùa Hương	Hà Nội	- Lễ hội tâm linh - Sinh thái	500	Gắn với hồ Quan Sơn
3	Điểm du lịch Phố Hiến	Hưng Yên	- Văn hóa	500	Gắn với tuyến du lịch dọc theo sông Hồng, Đa Hòa - Dạ Trạch
4	Điểm du lịch Đền Trần - Phủ Giầy (Nam Định), Đền Trần - Chùa Keo (Thái Bình)	Nam Định, Thái Bình	- Lễ hội tâm linh	300	Gắn với hệ thống di tích lịch sử văn hóa Nam Định, Thái Bình
5	Điểm du lịch Cúc Phương	Ninh Bình	- Sinh thái	1.000	Gắn với khu du lịch Tràng An và thành phố Ninh Bình

TT	Tên	Vị trí (thuộc tỉnh)	Hướng khai thác	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Kết hợp khai thác
6	Điểm du lịch Vân Long	Ninh Bình	- Sinh thái	1.000	Gắn với khu du lịch Tràng An và thành phố Ninh Bình
7	Điểm du lịch thành phố Bắc Ninh	Bắc Ninh	- Văn hóa	500	Gắn với cụm điểm di tích văn hóa lịch sử thành phố Bắc Ninh và phụ cận
8	Điểm du lịch Yên Tử	Quảng Ninh, Bắc Giang	- Lễ hội tâm linh - Sinh thái	1.000	Gắn với đô thị du lịch Hạ Long, di tích chiến thắng Bạch Đằng
III	**ĐÔ THỊ DU LỊCH (2 ĐÔ THỊ DU LỊCH)**				
1	Đô thị du lịch Hạ Long	Quảng Ninh	- Biển, đảo - MICE	-	Gắn với Hạ Long - Cát bà và hệ thống khu điểm du lịch khác trên địa bàn
2	Đô thị du lịch Đồ Sơn	Hải Phòng	- Du lịch biển kết hợp - Văn hóa, lễ hội kết hợp vui chơi giải trí cao cấp	-	Gắn với biển đảo Bạch Long Vĩ, hệ thống di tích, phố cổ nội thành Hải Phòng

Phụ lục II
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ DUYÊN HẢI ĐÔNG BẮC ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2163/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

	Tổng nhu cầu đầu tư (tỷ đồng)	2011-2015	2016-2020	2021-2030	Tổng nhu cầu đầu tư (triệuUSD)
Tổng nhu cầu đầu tư vùng	**605.000**	**123.000**	**160.000**	**322.000**	***29.500***
Vốn ngân sách (10%)	*60.500*	*12.300*	*16.000*	*32.200*	*2.950*
Vốn khác (90%)	*544.500*	*110.700*	*144.000*	*289.800*	*26.550*
Trong đó:					
Đầu tư phát triển Khu du lịch quốc gia	**82.410**	**21.935**	**25.010**	**35.465**	***4.020***
Khu du lịch Hạ Long - Cát Bà	20.910	4.100	6.150	10.660	*1.020*
Khu du lịch Vân Đồn (*)	17.835	8.200	6.150	3.485	*870*
Khu du lịch Trà Cổ	11.275	2.050	3.075	6.150	*550*
Khu du lịch Côn Sơn - Kiếp Bạc	3.895	1.025	1.025	1.845	*190*
Khu du lịch Ba Vì - Suối Hai	5.535	1.025	2.050	2.460	*270*
Khu du lịch Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam	12.300	3.075	3.075	6.150	*600*
Khu du lịch Tam Đảo	5.125	1.025	2.050	1.640	*250*
Khu du lịch Tràng An	3.075	1.025	1.025	1.435	*150*
Khu du lịch Tam Chúc	2.460	410	410	1.640	*120*
Đầu tư phát triển Điểm Du lịch Quốc gia	**32.800**	**9.225**	**9.225**	**14.350**	***1.600***
Điểm du lịch Hoàng Thành Thăng Long	4.100	1.025	1.025	2.050	*200*
Điểm du lịch chùa Hương	4.100	1.025	1.025	2.050	*200*
Điểm du lịch Phố Hiến	4.100	1.025	1.025	2.050	*200*
Điểm du lịch Đền Trần - Phủ Giầy (Nam Định), Đền Trần - Chùa Keo (Thái Bình)	7.175	2.050	2.050	3.075	*350*
Điểm du lịch Cúc Phương	3.075	1.025	1.025	1.025	*150*
Điểm du lịch Vân Long	3.075	1.025	1.025	1.025	*150*
Điểm du lịch thành phố Bắc Ninh và phụ cận	4.100	1.025	1.025	2.050	*200*
Điểm du lịch quốc gia Yên Tử	3.075	1.025	1.025	1.025	*150*
Đầu tư phát triển Khu du lịch địa phương	**105.575**	**33.825**	**43.460**	**28.290**	**5.150**
Các chương trình phát triển du lịch vùng	**384.215**	**58.015**	**82.305**	**243.895**	***18.730***
Xúc tiến quảng bá, xây dựng thương hiệu	10.250	2.050	4.100	4.100	*500*
Phát triển nguồn nhân lực	10.250	2.050	4.100	4.100	*500*
Bảo tồn tôn tạo tài nguyên, môi trường	10.250	2.050	4.100	4.100	*500*
Phát triển hạ tầng và các khu, điểm du lịch khác	353.465	51.865	69.905	231.445	*17.230*

Ghi chú: - Tính theo tỷ giá cố định 2010 (1USD = 20.500 đồng)

- (*) các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư đến 2020

- Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước chiếm khoảng 10% tổng nhu cầu đầu tư, được bố trí theo tiến độ từng giai đoạn phù hợp với khả năng cân đối và khả năng thực hiện.